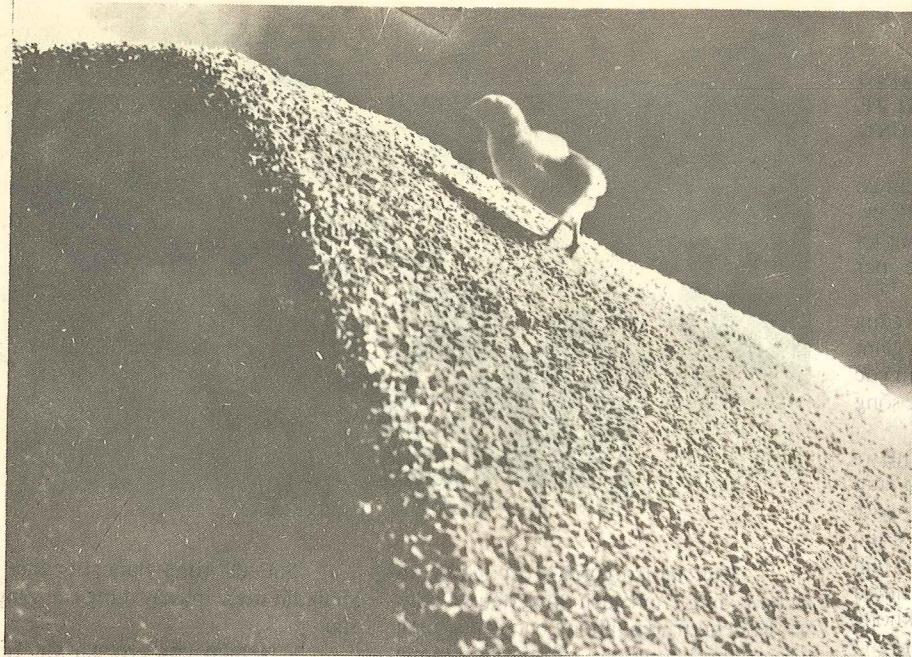




PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

NGUYỄN HOÀNG DỪNG
(Ngân hàng nhà nước tỉnh Trà Vinh)

TỔNG QUAN

Miền Tây Nam bộ với 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất rất giàu tiềm năng, sản xuất lương thực (SXLT) đặc biệt là cây lúa, chiếm tới 88% sản lượng lương thực (SLLT) toàn vùng. Trên bình diện cả nước, vùng ĐBSCL mỗi năm cung cấp hơn 40% SLLT cả nước, riêng năm 1990, tỷ lệ này lên tới 45%. Trong 6 tỉnh của cả nước đạt SLLT trên 1 triệu tấn năm 90, thì vùng ĐBSCL chiếm tới 5 tỉnh (Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Cửu Long, Tiền Giang). Tốc độ tăng SLLT hai năm gần đây của toàn vùng là 15,78% (cả nước chỉ 10%). Năm 1990 toàn vùng đạt 9,6078 triệu tấn lương thực, tăng 33,4% so với năm 86 (trong khi tính chung cả nước, tỷ lệ này chỉ có 16,9%) trong đó Đồng Tháp tăng 82,3%, An Giang tăng 74%.

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CƠ BẢN CẦN PHẢI HOÀN THIỆN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU SXLT VÙNG ĐBSCL TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

Theo tài liệu dự báo về kinh tế-xã hội Việt Nam thập niên 90 và mục tiêu SXLT vào năm 2000 thì SLLT sẽ phải phấn đấu và có khả năng đạt tới là 28,9 triệu tấn. Riêng vùng ĐBSCL mức phấn đấu vào khoảng 12-13 triệu tấn, tăng 25-35% (So với năm 1990).

Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu trên, ngoài sự nỗ lực và tập trung của tầng lớp

nông dân, về mặt tổ chức, Nhà nước phải chủ động tạo đầy đủ điều kiện cho nông dân, thể hiện bằng một hệ thống chính sách ưu tiên đặc biệt cho SXLT trong suốt thập niên 90 này.

Chúng tôi xin được góp một số ý kiến về những chính sách còn phải hoàn thiện về việc đầu tư phát triển SXLT giai đoạn 1991-2000.

A. Chính sách đầu tư

1. Để có thể giữ vững tính ổn định và phát triển SXLT một cách liên tục, góp phần thực hiện mục tiêu 25 triệu tấn vào năm 1995, và gần 30 triệu tấn vào năm 2000, về mặt nguồn vốn đầu tư, chúng tôi nghĩ rằng, Nhà nước phải gấp rút ban hành và thực hiện ngay một chính sách vốn đặc biệt, thực sự tập trung và ưu tiên cho SXLT, đồng thời xác định vùng ĐBSCL vẫn là khu vực trọng tâm của cả nước về SXLT từ nay đến năm 2000.

(1a) *Đối với nguồn vốn ngân sách các cấp*: đầu tư xây dựng cơ bản (XDGB) cho hệ thống cơ sở hạ tầng và sản xuất tư liệu sản xuất khu vực SXLT mỗi năm trong thập niên 90 phải chiếm tỷ trọng 20% trong tổng ngân sách nhà nước (NSNN) đầu tư cho XDGB (hiện nay tỷ lệ này: 11%). Riêng vùng ĐBSCL, mỗi năm phải được đầu tư từ 8-10% trong tổng NSNN chỉ cho XDGB, tức là phải từ 40-50% ngân sách đầu tư cho toàn ngành nông nghiệp cả nước.

(1b) *Nguồn vốn của các nước và các tổ chức quốc tế viện trợ cho nông nghiệp* (UNDP, ADB, WB,

UNICEF...) : nên sử dụng 100% đầu tư cho một số công trình trọng điểm lớn trong nông nghiệp, có khả năng tạo sức bật và kéo theo sự phát triển của toàn ngành. Đối với vùng ĐBSCL, các công trình dự án lớn tập trung ở các khu vực như: Tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây sông Hậu, Nam bán đảo Cà Mau, vùng Châu Thành, Càng Long (Cửu Long)....

(1c) *Nguồn vốn tín dụng dài hạn*: gồm có hệ thống ngân hàng đầu tư phát triển trong nước và các tổ chức tín dụng quốc tế phải chiếm ít nhất 40% nguồn vốn tín dụng đầu tư XDGB toàn nền kinh tế với những chính sách khuyến khích đặc biệt về lãi suất và thời hạn vay trong thời kỳ 1991-2000.

Các nguồn vốn cơ bản dành cho đầu tư phát triển SXLT dài hạn trên đây phải được sử dụng một cách có hiệu quả thiết thực vào việc xây dựng mới và cải tạo các hệ thống sau:

- Hệ thống thủy lợi (lưu ý chủ yếu): các công trình đê điều, hồ chứa và cải tạo nước: kênh mương, cống, bơm...

- Hệ thống sản xuất tư liệu sản xuất: các loại máy nông cụ phục vụ cho quá trình sản xuất và thu hoạch lúa.

- Hệ thống bảo quản lương thực: sản phẩm, kho chứa...

- Hệ thống chế biến: các loại máy xay xát, chế biến, kiểm tra chất lượng thành phẩm.

Trong đó những cơ sở máy móc còn thiếu nghiêm trọng là: các công trình cải tạo nước; nhà máy sản xuất phân bón - thuốc trừ sâu phục vụ riêng cho ĐBSCL; hệ thống sản phẩm - kho bảo quản lúa gạo; chế biến gạo ít hao, chất lượng cao.

(1d) *Nguồn vốn tín dụng ngắn hạn* từ hệ thống ngân hàng nông nghiệp và các tổ chức tín dụng khác dành cho nông dân đầu tư trực tiếp với luân chuyển SXLT phải đáp ứng được nhu cầu sản xuất cho từng vụ mùa.

Trong nửa đầu năm 91 mới chỉ có 40.000 hộ nông dân vùng ĐBSCL được vay tổng số tiền là 20 tỷ tại các ngân hàng địa phương. Đây là con số quá nhỏ bé so với nhu cầu thực tế về vốn; trong khi mục tiêu SXLT của vùng ĐBSCL giai đoạn 91-2000 được đặt ra trên cơ sở khai thác được hết các tiềm năng còn có trong vùng thể hiện ở con số từ 700.000-800.000 hộ nông dân trong tổng số 2,5 triệu hộ nông dân

ng toàn vùng còn có nhu cầu tín dụng để SXLT với tổng vốn ước tính trên 200 tỷ. Vì vậy, theo chúng tôi, Nhà nước xem xét cần đổi lại và tạo điều kiện về vốn cho nông dân trong thời gian tới. Để thực hiện được nhiệm vụ cấp tín dụng cho nông dân SXLT trong giai đoạn này, Nhà nước cần mạnh dạn cắt bỏ bớt những nguồn đầu tư cho xây dựng và những khoản chi phí hời hợt chưa thật cần thiết để chuyển sang tập trung cho nông nghiệp trong tổng các nguồn vốn còn quá ít ỏi của cả nước. Song song với việc thành lập ngân hàng nông nghiệp mở rộng và tập trung đầu tư cho nông dân, nhà nước cần thật tranh thủ các cơ hội đầu tư của nước ngoài vào việc phát triển SXLT một cách có hiệu quả.

Vấn đề nguồn vốn là vấn đề quan trọng nhất để đẩy mạnh công tác khuyến nông vùng SXLT. Giải quyết được vấn đề này là giải quyết được cơ sở của quá trình giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tạo điều kiện để nông dân cùng với cả nước thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội chung và lâu dài.

Vấn đề qui hoạch phát triển SXLT

Cho đến nay, vùng DBSCL đã có những dự án phát triển tổng thể với qui mô mang tính khả thi cao như dự án phát triển các khu vực từ giãc Long Xuyên, Tây Ninh, Đồng Tháp Mười, đảo Cà Mau, Châu Thành, An Giang nhằm khai thác các tiềm năng hiện có của những vùng này, chủ yếu là đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích sản xuất lương thực trồng số 0.000 ha (còn) bị hoang hóa, phèn, mặn.

Tuy nhiên trong một số dự án đã thực thi, được khảo sát kỹ lưỡng, soạn thảo xong, thẩm định nghiêm túc, thể hiện rõ quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia dự án, còn không ít dự án mang tính tranh thủ, đối phó được viết rất sơ sài, qua loa (có những dự án tổng số vốn đầu tư cả bậc tỷ mà cái gọi là "Dự án khả thi" của nó chỉ có leo tèo vài tờ giấy rời với vô số lỗi chính tả), không làm nổi bật tính hiệu quả và mục đích cần và có thể đạt tới cũng như những công việc cụ thể cần phải làm, cũng như những phương án thực hiện, mơ hồ trong phần phân công trách nhiệm của các cơ quan tham gia dự án - chưa nói

đến tính khả thi của dự án cũng đủ làm cho "dự án" bị lãng quên ngay sau khi được "soạn thảo". Lại có nhiều dự án không cần thẩm định cũng được thực thi, để rồi không thực hiện được hoặc ít đạt được hiệu quả mong muốn và gây lãng phí.

Chúng tôi nghĩ rằng, quá trình qui hoạch sản xuất là một quá trình lao động sáng tạo của những nhà nghiên cứu đầu tư và giới chuyên môn, được thể hiện một cách khoa học và thực tế bằng những dự án mang đầy đủ tính chất khả thi. Cho nên trong quá trình phát triển SXLT muốn được bền vững, lâu dài thì các phương án đầu tư phải được cụ thể hóa thành các dự án đầu tư khả thi, kể cả các công trình XDCB lớn cũng như mỗi mùa vụ sản xuất cũng được dự án hóa nhằm tăng tính hiệu quả của phương án đầu tư, sản xuất cũng như lường trước những thiệt hại rủi ro để phòng chống. Trên tầm quốc tế, các dự án đầu tư khả thi còn là cơ sở quan trọng nhất để thuyết phục các tổ chức đầu tư quốc tế (ADB, IMF, WB...) khi vào thăm dò và đầu tư ở nước ta.

Tóm lại, việc đầu tư theo qui hoạch sản xuất lâu dài phải thể hiện bằng các dự án đầu tư, phải đảm bảo được việc tính toán và dự đoán một cách đầy đủ những thay đổi về thị trường, kỹ thuật, tài chính, tổ chức và hiệu quả kinh tế - xã hội trong suốt đời sống dự án nhằm khai thác và làm chủ được toàn vùng dự án.

C. Các chính sách khuyến khích nông dân SXLT

Đây là một trong những vấn đề quan trọng nhất, quyết định tính sống còn lâu dài của ngành nông nghiệp mà trong cương lĩnh và chiến lược ổn

định và phát triển KTXH ở nước ta đã có nói tới.

Từ thực tiễn SXLT của nông dân các tỉnh DBSCL, có thể rút ra một số biện pháp và bài học cụ thể cần phải áp dụng rộng rãi và phát triển hơn nữa để giữ vững tính ổn định và phát triển SXLT nhằm đạt được mục tiêu SLLT phần đầu vào cuối thế kỷ này.

1. Vấn đề tín dụng cho nông dân

- Phải xác định đúng đối tượng cho vay, khu vực cần phát triển và hộ nông dân có nhu cầu vay hợp lý.

- Tạo đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất cơ sở trong vùng để nông dân đảm bảo được quá trình tái SXLT như giống, phân bón, thuốc sâu, các loại nông cơ và xăng dầu.

- Thực hiện các thủ tục cho vay thật thuận lợi, đảm bảo vốn tới trực tiếp nông dân nhanh nhất và việc sử dụng tuân theo các nguyên tắc tín dụng ngân hàng, vừa làm tăng khối lượng nông sản trong vùng, vừa bảo toàn được các nguồn vốn tín dụng để tái đầu tư tiếp.

2. Phải có chính sách bảo trợ SXLT cho nông dân

Đây là một chính sách thực sự khuyến khích nông dân tham gia đầu tư sản xuất và thúc đẩy nền nông nghiệp nước nhà nhanh chóng phát triển.

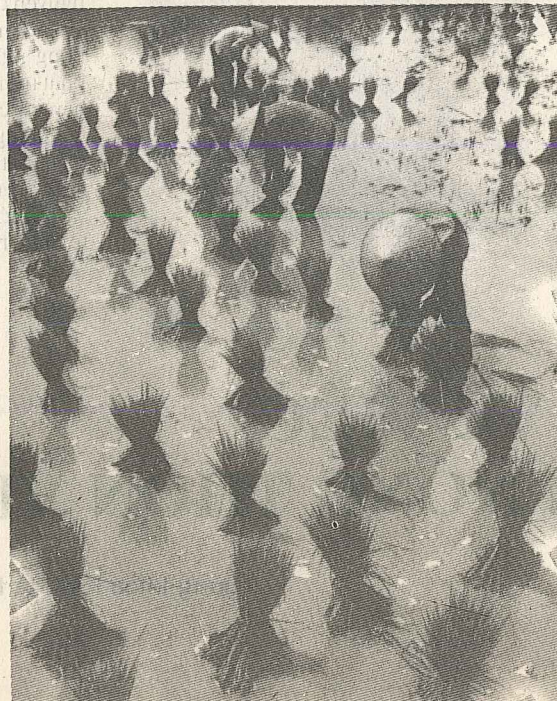
(2a) Phải có chính sách thuế lương thực vừa phải, đảm bảo quyền lợi cho người sản xuất và không mang tính ép buộc. Thực tế khi nhà nước tạo điều kiện cho nông dân sản xuất và nếu được mùa thì người nông dân sẽ tự giác coi việc nộp thuế là đóng góp cho ngân sách.

(2b) Đồng thời với việc tiến hành đầu tư SXLT, Bộ Tài

chính và Bộ Nông nghiệp cùng với HDBT nghiên cứu cho thành lập hệ thống các quỹ bảo trợ lương thực tới tận xã ấp của mỗi vùng SXLT để bảo đảm duy trì sự ổn định đời sống và sản xuất của mọi nông dân trong vùng khi bị thất mùa do hạn hán, lũ lụt, nước chua đất mặn, sâu rầy... Việc hình thành các quỹ bảo trợ bù đắp rủi ro trong SXLT cho nông dân là hết sức cần thiết nhằm thực hiện chức năng cứu đói và duy trì sản xuất cho nông dân SXLT và bù đắp nguồn vốn cho vay SXLT của ngân hàng bị thất thoát do khách quan, và được thực hiện trên các địa bàn bị rủi ro với qui mô nhỏ và không có tính chất thường xuyên (khác với Cục Dự trữ lương thực quốc gia là thực hiện việc cứu trợ cho nhân dân trong toàn vùng bị nạn lớn, hậu quả lâu dài). Nguồn hình thành có thể trích từ quỹ đầu tư XDCB khu vực hành chánh sự nghiệp, trong ngân sách hàng năm (1% trên con số lẽ ra phải chi cho hành chánh sự nghiệp), cộng với phần trích thu từ thuế lương thực (10%) và phần lãi của ngân hàng cho vay trên số vốn cho nông dân vay SXLT. Công tác bảo trợ tùy tình hình thực tế và điều kiện mỗi vùng, mỗi hộ SXLT mà bảo trợ tuyệt đối (cứu đói và cung cấp các yếu tố sản xuất ứng trước cho nông dân ở mùa sau) hay bảo trợ tương đối (giảm chi phí đầu vào và tạo điều kiện để tăng thu nhập đầu ra cho nông dân SXLT).

Trên đây là một số biện pháp có thể và cần phải tiến hành trong quá trình SXLT vùng DBSCL nhằm khai thác mọi tiềm năng hiện có để góp phần khống chế ổn định và phát triển nền SXLT của toàn quốc, tiến tới đạt các mục tiêu kinh tế - xã hội mà chiến lược ổn định và phát triển nền kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã xác định và đã được Đại hội VII thông qua.

Về điều kiện để thực hiện những mục tiêu đã hoạch định, ngoài việc Nhà nước phải có một chính sách ưu tiên đặc biệt nói trên cho nông dân vùng DBSCL, còn phải thành lập một ban (hoặc trung tâm) chuyên trách những vấn đề về SXLT của vùng DBSCL trong suốt giai đoạn 1991-2000 để có thể làm đầu mối giao lưu của toàn vùng và giải quyết mọi vấn đề đặt ra trong quá trình SXLT.



Ảnh: Đỗ Ngọc

NHD